

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/DS-PT
Ngày 07 - 6 - 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Trần Bình Đảo
Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 5 và ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Danh Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp B, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Danh Thị H:
Bà Nguyễn Thị K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Danh S, sinh năm 1966 (có mặt).

2. Bà Thị Q, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Danh S, bà Thị Q:
Luật sư Trần Minh H – Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ1, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp B, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Danh S, bà Thị Q – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Danh Thị H trình bày như sau: Bà có một phần đất thổ cư và đất ruộng diện tích là 6.384m², đất tọa lạc tại ấp B, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nguồn gốc phần đất này là do ông Danh O (cha chồng của bà cho). Đến ngày 26/12/2003 bà được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/2003 tại thửa số 246-a, tờ bản đồ số 01. Quá trình sử dụng đất vào năm 1997 bà có T3 máy cuốc đất để đào một đường mương lấy nước, mương nước có chiều rộng khoảng 8m, đất đào mương bà đổ lên đắp thành bờ bao rộng nhằm sử dụng vào việc phơi lúa, con mương bà đào nằm giữa phần đất của gia đình bà và gia đình ông Danh S. Năm 2004 ông Danh S kêu người đến lấp con mương phần giáp với đất ông S để mở rộng diện tích xạ lúa, ông Danh S đã lấn chiếm diện tích con mương của bà là 0,4m.

Nay bà yêu cầu ông Danh S và bà Thị Q phải trả lại cho bà diện tích đã bao chiếm là 825,6m² (theo đo đạc thực tế). Do phần đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Danh S trình bày như sau: Trước đây khu vực đất tranh chấp còn hoang hóa, bà con sống gần đó nuôi trâu nhiều nên đã dành một phần đất để làm đường trâu đi, diện tích con đường này chiều ngang khoảng 8m, chiều dài không rõ. Con đường trâu đi này nằm giữa phần đất của gia đình bà H và gia đình ông Danh S. Sau này gia đình bà Danh Thị H có xin gia đình ông S cuốc ½ con đường này để lấy đất đắp bờ làm nơi phơi lúa và cho ghe chở lúa đi lại dễ dàng hơn, gia đình ông cũng T3 người đến cuốc ½ con đường này lấy đất đắp nền nhà cho con ông ở.

Nay bà Danh Thị H cho rằng gia đình ông đang lấn chiếm phần đất có diện tích 825,6m² đất và yêu cầu gia đình ông phải trả lại thì ông không đồng ý. Do phần đất bà H đang tranh chấp chính là con đường trâu đi ngày trước, giờ là con mương chung, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H được cấp. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người được sử dụng ½ con mương trên. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà Thị Q trình bày như sau: Bà đồng ý với lời trình bày của chồng bà là ông Danh S. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị H. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

NLQ1 trình bày như sau: Phần đất ruộng của gia đình bà nằm phía trong, không giáp với đất của bà Danh Thị H, đất của bà H giáp với đất của gia đình ông Danh S. Tuy nhiên quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan cấp giấy đã nhầm lẫn thửa đất của bà với thửa đất của ông Danh S trên giấy tờ. Bà T xác định phần đất của gia đình bà không liên quan gì đến phần đất tranh chấp giữa bà H và ông S. Do đó bà đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt bà đối với vụ án trên.

Tại bản án sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị H đối với ông Danh S và bà Thị Q.

Buộc ông Danh S và bà Thị Q trả cho bà Danh Thị H diện tích 25,6m² đất tọa lạc tại ấp Bến Đá, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang có hình 3-4-5-9-8-7-3, có tuyên vị trí các cạnh.

(Theo Tờ Trích đo địa chính số TĐ 165 – 2017 ngày 20/9/2017 của Phòng tài nguyên môi trường huyện H).

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 bị đơn ông Danh S, bà Thị Q kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ bản sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, vì bản án này đã vi phạm quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như trên đã nêu.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm có văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Danh Thị H ngày 26/12/2003 với diện tích 6.384m² vì thực tế việc cấp đất này đã bao trùm cả đất công cộng là đường trâu của nhân dân sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Danh S, bà Thị Q giữ nguyên đơn kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa toàn diện. Nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, không đồng ý đơn kháng cáo của bị đơn ông S, bà Q, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh S, bà Thị Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: NLQ1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt NLQ1 theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Danh S, bà Thị Q yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 61/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, vì bản án này đã vi phạm quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vì Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm có văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho bà Danh Thị H ngày 26/12/2003 với diện tích 6.384m² vì thực tế việc cấp đất này đã bao trùm cả đất công cộng là đường trâu của nhân dân sử dụng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án ngày 17/10/2016 đến 19/10/2016 bị đơn ông Danh S đã ký tên vào biên bản giao nhận Thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân huyện H (bút lục 20). Nên Tòa án cấp phúc thẩm không căn cứ để chấp nhận lời khai nại của bị đơn ông S, bà Q.

[4] Nguyên đơn bà H cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của cha chồng tên Danh O cho vợ chồng bà, đến năm 2003 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 6.384m², thuộc tờ bản đồ số 246a, tờ bản đồ số 1, trong đó có diện tích đất tranh chấp 825,6m². Do đó, bà H yêu cầu ông S, bà Q trả lại diện tích đất tranh chấp đã bao chiếm là 825,6m² vì phần đất này bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bị đơn ông S, bà Q cho rằng nguồn gốc đất của bà H là của ông Danh O cha ruột của Thị G, Danh Sà R (em chồng của bà H), bà G, Danh Sà R đã sang nhượng lại cho bà H diện tích bao nhiêu ông S, bà Q không biết nhưng khi bà H sang nhượng đất đã có đường trâu đi trước đó, sau đó bà H xin đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại kê khi luôn đường trâu đi để hợp thức hóa do bà H đứng tên quyền sử dụng đất, trong khi bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các hộ giáp ranh và gia đình ông S không có ký giáp ranh. Trong khi đó, đường trâu đi là để cho mọi người có đường dẫn trâu lên xuống. Do đó, yêu cầu mỗi bên được sử dụng ½ con mương trên.

Đồng thời, kèm theo đơn kháng cáo của ông S, bà Q có cung cấp cho Tòa án Tò trình ngày 07/9/2020 (bút lục số 113) đồng đứng tên gồm: Danh N, Danh T1, Danh D, Danh L, Ngô Oanh N1, Thị Kim T2 đều có kiến nghị: đề nghị nhà nước thu hồi lại diện tích 2.437,5m² (chiều ngang đầu 11m, đầu trong 4m, chiều dài 325m) đất đang tranh chấp. Đề nghị Tòa án không thừa nhận việc bao chiếm đất đường trâu (công cộng) trái phép của bà H. Đề nghị giữ nguyên hiện trạng đường trâu đi (công cộng) cho dân sử dụng, nếu sau này không còn sử dụng nữa, dân họp lại thống nhất giao cho ai thì người đó sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất tranh chấp đo đạc thực tế 825,6m² đất tọa lạc tại ấp B, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang nằm trong tổng diện tích 6.384m², thuộc thửa 246a, tờ bản đồ số 1 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp bà Danh Thị H đứng tên quyền quyền sử dụng đất ngày 26/12/2003, có nguồn gốc từ ông Danh O khai khẩn trước đây sử dụng đến năm 1990 thì ông O tặng cho lại bà H để quản lý sử dụng (không có giấy tờ gì), đến năm 1993 thực hiện chỉ thị số 14 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc đo đạc, giải thửa lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc này thì bà H có kê khai đất và đo đạc giải thửa thể hiện thửa đất 246a, tờ bản đồ số 1, diện tích 6.384m², đến năm 2003 thì bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích nêu trên, đối với diện tích đất này thì bà H đã sử dụng ổn định đến năm 2016 đã phát sinh tranh chấp với ông S.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Danh N (bút lục số 84) “Tôi là người có cựu ở địa phương. Tôi xác định ở khu vực tranh chấp giữa bà H với ông S trước đây có tồn tại một đường trâu đi lên núi, đường trâu này bang rộng khoảng 3m. Đến nay đường trâu đi không còn rộng như trước do đất ở đây người dân bang ra làm ruộng mỗi bên một ít nên bây giờ chỉ còn một đường đi nhỏ. Vào khoảng năm 2015, bà H có đến báo với tôi là thuê người đến cuốc phần đất giáp ranh với ông S để lấy đất đắp làm bờ phơi lúa, đến khoảng năm 2016 thì H bên phát sinh tranh chấp... Theo tôi con mương này là của chung nên khi hòa giải ở ấp có động viên H bên sử dụng chung nhưng bà H không đồng ý. Nay Tòa án cứ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi không có ý kiến gì” và theo biên bản lấy lời khai của ông Danh T1 (bút lục số 43) xác định: “ông có cuốc đất để vét mương cho bà H làm đường nước cung cấp nước cho ruộng.... Khi đó có con mương cũ khoảng 4-5 tấc, sau đó tôi vét rộng ra thêm khoảng 1m ... Khi đó ông S có biết và ông S còn nói tôi cuốc đi để bà H có đường mương dẫn nước vào ruộng” và cũng tờ trình của Danh T1 ngày 30/01/2016 có xác nhận của trưởng ấp ông Trần D1 (bút lục số 9) trình bày: “Vào năm 1997 tôi làm tài xa máy cuốc và có nhận cuốc đất cho bà Danh Thị H ngụ tại ấp Bến Đá, xã S, huyện H, Kiên Giang làm đường mương lấy nước vào ruộng, bề ngang 8m, mặt tiền giáp sông Hòn Sóc, hậu giáp đầu đất bà Thị Giàu, với số tiền công cuốc đất là 2.000.000 đồng. Trong lúc tôi cuốc đất cho bà Danh Thị H thì không có ai tranh chấp gì hết”. Vậy theo Tò trình (bút lục số 113), không có xác nhận của Ban lãnh đạo ấp B lại có mâu thuẫn với biên bản lấy lời khai tại Tòa án của ông Danh N, ông Danh T1, nên Tò trình ngày 07/9/2020 (bút lục số 113) mà bị đơn cung cấp cho Tòa án là không khách quan nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Mặc khác, tại Công văn số 07/UBND-TNMT ngày 06/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện H có ý kiến: “Phần đất tranh chấp diện tích $825,6m^2$ (đo thực tế), tại ấp B, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, có nguồn gốc: Là nằm trong phần đất có tổng diện tích $6.384m^2$ do ông Danh O khai mở trước năm 1990, để trồng lúa mùa, sử dụng đến năm 1990, ông Danh O cho lại đất trên cho bà Danh Thị H (con dâu của ông Danh O) quản lý, sử dụng, việc cho đất không làm giấy tờ. Sau khi nhận đất bà Danh Thị H tiếp tục sử dụng sản xuất lúa. Năm 1993, thực hiện chỉ thị số 14 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đo đạc, giải thửa lập sơ đồ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, bà Danh Thị H có kê khai đất và được đo đạc giải thửa trong sơ đồ địa chính thể hiện cụ thể sau:

Thửa đất số 246a, tờ bản đồ số 01, diện tích $6.384m^2$, vị trí đất: Phía Đông bắc giáp đất bà Thị G = 56m, phía Đông nam giáp đất ông Danh N = 114m, phía Tây nam giáp kênh vòng núi Hòn Sóc = 56m, phía Tây bắc giáp đất NLQ1 = 114m. Đến ngày 26/12/2003, phần đất bà Danh Thị H được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSDĐ, số vào sổ cấp giấy TS000821/2164/QĐ-UBND, tại thửa số 246a, tờ bản đồ số 01, tổng diện tích $6.384m^2$, mục đất sử dụng đất chuyên trồng lúa, đất Tộc ấp Bến Đá, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình sử dụng đất của bà Danh Thị H là ổn định, đến năm 2018 thì xảy ra tranh chấp đất với ông Danh S.

...

Phần đất tranh chấp diện tích $825,6m^2$, giữa bà Danh Thị H với ông Danh S là nằm trong tổng diện tích $6.384m^2$, Tộc thửa đất số 246a, tờ bản đồ số 1, UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Danh Thị H đứng tên”. Ủy ban nhân dân huyện đã xác định phần đất tranh chấp $825,6m^2$ (đo thực tế) nằm trong tổng diện tích $6.384m^2$ do bà H đứng tên quyền sử dụng đất nên có cơ sở xác định diện tích đất $825,6m^2$ là của bà H đã được quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là con mương công cộng, đường trâu đi, hiện các con của bị đơn đang sử dụng có làm chuồng heo, chuồng gà. Tuy nhiên, ngày 12/5/2021 Tòa án cấp phúc thẩm có xuống thực địa để xem xét hiện trạng trên đất thể hiện phần đất tranh chấp là một con mương không có xây dựng vật kiến trúc hay không có công trình gì trên đất. Nên không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của bị đơn. Ngoài ra, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới cho rằng phần đất tranh chấp là đường công cộng nên không có cơ sở xem xét. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị H là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Danh S, bà Thị Q cũng như lời tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:

61/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[6] Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Danh S, bà Thị Q mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 Luật đất đai năm 2013, Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo bị đơn ông Danh S, bà Thị Q.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị H đối với ông Danh S, bà Thị Q.

Buộc ông Danh S, bà Thị Q trả cho bà Danh Thị H diện tích 825,6m² đất tọa lạc tại ấp B, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang có hình 3-4-5-9-8-7-3, các cạnh cụ thể như sau:

- Cạnh 3-4 giáp đất bà Danh Thị H đang sử dụng ổn định là: 25m.
- Cạnh 4-5 giáp đất bà Danh Thị H đang sử dụng ổn định là: 93,9m
- Cạnh 5-9 giáp đất bà Danh Thị H nhận chuyển nhượng của bà Thị G là: 4,5m
- Cạnh 9-8 giáp phần đất ông Danh S đang sử dụng ổn định là: 94,3m
- Cạnh 8-7 giáp phần đất ông Danh S đang sử dụng ổn định là: 27m
- Cạnh 7-3 giáp kênh vòng núi Hòn Sóc là: 10m

(Theo Tờ Trích đo địa chính số TĐ 165 – 2017 ngày 20/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H)

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Danh S, bà Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000 đồng (H trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Danh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002767 ngày 17/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Danh S, bà Thị Q mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0001138 và 0001137 cùng ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Về chi phí tố tụng khác: Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: 2.406.000 đồng + 1.650.000 đồng = 4.056.000 đồng buộc ông Danh S và bà Thị Q phải chịu. Do bà Danh Thị H đã tạm ứng trước chi phí đo đạc và định giá nên ông Danh S, bà Thị Q phải có trách nhiệm trả lại cho bà Danh Thị H số tiền 4.056.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên